

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ  
VÀ CÔNG NGHIỆP-VINACOMIN

Số: 290/TCKT-VIMCC

V/v: Công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi :** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp – Vinacomин
2. Mã chứng khoán: TVM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
4. Điện thoại: Điện thoại: (04)38544252 Fax: (04) 38543164
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phùng Đức Trường – Kế toán trưởng
6. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2018
7. Nội dung chi tiết được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ:  
<http://vimcc.vn/>
8. Công ty xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!



**Phùng Đức Trường**

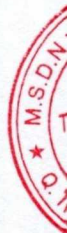
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP-VINACOMIN

Địa chỉ: 565 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 0243. 38544252 Fax: 024. 38543164

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Hà nội, Tháng 04 năm 2019



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2018

## Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin
- Tên tiếng anh: VINACOMIN INDUSTRY INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY (VIMCC)
- Tên viết tắt: VIMCC.,JSC



- Biểu tượng:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500237543
- Vốn điều lệ: 24.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 24.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 02438544252
- Số fax: 02438543164
- Website: WWW.vimcc.vn
- Mã cổ phiếu: TVM

- Quá trình hình thành và phát triển:

Để đáp ứng yêu cầu về công tác quy hoạch, thiết kế các mỏ than Việt Nam, ngày 22 tháng 09 năm 1965 Bộ trưởng Bộ công nghiệp năng ký quyết định số 1139/BCNNg-KB2 thành lập **Viện Nghiên cứu thiết kế mỏ** (gọi tắt là: Viện Mỏ), thuộc Tổng Công ty than Quảng Ninh.

Ngày 06/10/1969 đổi tên thành Viện quy hoạch và thiết kế than, (QĐ số 108-QĐ/TC của Bộ trưởng Bộ Điện và Than).

Ngày 10/09/1972 tách một bộ phận của Viện, thành lập Phân viện nghiên cứu khoa học mỏ; Năm 1978 đổi thành Trung tâm Nghiên cứu khoa học kỹ thuật; Ngày 12/09/1979 thành lập Viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật mỏ, nay là Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin.

Ngày 06/03/1984 sáp nhập Viện kinh tế mỏ vào thành Viện quy hoạch kinh tế và thiết kế than, (QĐ số 13MT/TCCB của Bộ trưởng bộ Mỏ và Than).

Ngày 19/10/1988 sáp nhập Công ty khảo sát và thăm do than vào thành Công ty khảo sát thiết kế than (QĐ 13MT/TCCB của Bộ trưởng bộ Mỏ và Than).

Ngày 13/12/1991 tổ chức lại thành Công ty Khảo sát và thiết kế mỏ (QĐ 358-NL/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Năng lượng).

Ngày 19/06/1993 tổ chức lại thành Công ty Khảo sát và thiết kế mỏ (QĐ số 358 – NL/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Năng lượng).

Ngày 01/04/1995 Công ty Khảo sát và thiết kế mỏ trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam (QĐ số 137-NL/TCCB-LĐ ngày 04/03/1995 của Bộ trưởng Bộ Năng lượng).

Ngày 27/05/1996 đổi tên thành Công ty Tư vấn Xây dựng mỏ và công nghiệp trực thuộc Tổng công ty than Việt Nam, (QĐ số 873-TVN/HĐQT của HĐQT Tổng Công ty Than Việt Nam ngày 29/05/1996 và QĐ số 197-/QĐ của Bộ trưởng Bộ công nghiệp ngày 29/01/1997).

Ngày 05/04/2000 sáp nhập Công ty tư vấn đầu tư Điện - Than vào thành Công ty tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp trực thuộc Tổng công ty Than Việt Nam, (QĐ số 23/2000/BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp).

Ngày 28/03/2006 Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - TKV (CV số 8389/CV-HĐQT ngày 07/11/2006 của HĐQT Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Ngày 20/06/2011 đổi tên thành Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin (QĐ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011).

Quyết định số 05.11/QĐ của HĐQT Công ty ngày 01/06/2011 về việc sử dụng tên từ ngày 20/06/2011 đổi thành Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin.

Năm 2012 Công ty tham gia góp vốn vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư mỏ Lương Sơn với tỷ lệ nắm giữ 30% vốn điều lệ tương đương 2.400.000.000 đồng.

Năm 2012 Công ty mua lại 75.000 cổ phần của Công ty TNHH một thành viên than Uông Bí đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư than Uông Bí với giá trị chuyển nhượng là 765.000.000 đồng; và mua lại 1.500 cổ phần của Công ty TNHH một thành viên than Nam Mẫu đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư than Uông Bí với giá trị chuyển nhượng là 15.000.000 đồng. Kể từ ngày 01/09/2012 Công ty sở hữu 76.500 cổ phần tương đương với 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư than Uông Bí. Đến ngày 13/07/2015 Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư than Uông Bí tăng vốn điều lệ từ 1.500.000.000 đồng lên 2.700.000.000 đồng bằng cổ phiếu thưởng theo đó giá trị cổ phiếu Công ty tăng lên thành 137.700 cổ phần tương ứng bằng 1.377.000.000 đồng (chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư than Uông Bí).

- Thời điểm niêm yết: 15/12/2015

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh: Ngành nghề kinh doanh chính

+ Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình mỏ, điện lực, công nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông;

+ Khảo sát, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp mỏ, công trình giao thông, công trình hạ tầng;

+ Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình xây dựng, công nghiệp;

+ Thiết kế công trình điện năng: Đường dây tải điện, trạm biến thế điện, công trình điện dân dụng và công nghiệp;

+ Thiết kế công trình cấp thoát nước khu công nghiệp, dân dụng, giao thông;

- + Thẩm định các dự án đầu tư (chỉ thẩm định các thiết kế đã được đăng ký kinh doanh), thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các dự án đầu tư;
  - + Tư vấn xuất nhập khẩu thiết bị, phụ tùng, nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho ngành mỏ và các ngành công nghiệp khác;
  - + Xây dựng các công trình công nghiệp dân dụng, giao thông, vận tải, điện lực;
  - + Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ ngành mỏ;
  - + Dịch vụ thương mại;
  - + Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành khai khoáng và các ngành công nghiệp khác (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Địa bàn kinh doanh: Khu vực tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Lào Cai, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Hòa Bình và các khu vực khác tại Việt Nam.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 3.1. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty thực hiện tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

+ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ cụ thể theo quy định tại Điều lệ Công ty, một số nội dung chính sau:

- Thông qua định hướng phát triển công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định đầu tư, quyết định giao dịch mua, bán số tài sản của Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức một năm một lần trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

+ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomina, các thành viên Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính, thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

- |                         |   |
|-------------------------|---|
| - Ông Nguyễn Trọng Hùng | - Chủ tịch HĐQT                           |
| - Ông Đỗ Hồng Nguyên    | - Ủy viên HĐQT (Thôi giữ chức 01/06/2018) |
| - Ông Lê Văn Duẩn       | - Ủy viên HĐQT                            |



+ Tên công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư than Ưông Bí  
+ Địa chỉ: Khu 3, P. Trung Vương, TP. Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh  
+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Tư vấn thiết kế và giám sát thi công các công trình dân dụng, công nghiệp...

+ Vốn điều lệ thực góp: 765.000.000 đồng, Vốn điều lệ tăng thêm do Công ty con tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển 612.000.000 đồng.

+ Tỷ lệ sở hữu: 51% vốn Điều lệ

\* Công ty liên kết

+ Tên công ty: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư mỏ Lương Sơn

+ Địa chỉ: Xã Cao Rãm – Huyện Lương Sơn – tỉnh Hòa Bình

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Tư vấn thiết kế các công trình mỏ, khai thác đá, vật liệu xây dựng ...

+ Vốn điều lệ thực góp: 2.400.000.000 đồng

+ Tỷ lệ sở hữu: 30% vốn Điều lệ

#### 4. Định hướng phát triển

Từ khi thành lập Viện nghiên cứu thiết kế mỏ mới thực hiện các bản vẽ thi công phục vụ cải tạo, khôi phục các mỏ khu vực Cẩm Phả, Hòn Gai, tiến đến lập thiết kế kỹ thuật các công trình và sau đó Viện, Công ty chủ trì lập tổng sơ đồ phát triển ngành than Việt Nam được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt và tư vấn, thiết kế các giai đoạn phục vụ đầu tư xây dựng các mỏ than trong cả nước, các mỏ ngoài than phục vụ phát triển công nghiệp khai khoáng, vật liệu xây dựng và sản xuất thuốc nổ công nghiệp... Hiện nay Công ty đang thực hiện hầu hết Dự án và thiết kế các mỏ, nhà máy tuyển đồng thời mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực mới như: Xây lắp, thương mại, chuyển giao công nghệ.

Để hội nhập và đáp ứng yêu cầu của thị trường, Công ty đã có chiến lược phát triển trung và dài hạn với một số mục tiêu và chiến lược chủ yếu sau:

##### 4.1. Củng cố và phát triển nguồn nhân lực

- Củng cố, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đánh giá phân loại chất lượng nguồn nhân lực để có kế hoạch đào tạo, sắp xếp lại lao động.

- Tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực cho các ngành nghề còn thiếu, còn yếu, bù đắp số lao động nghỉ chế độ và chuyển công tác theo hình thức thi tuyển và xét tuyển, trong đó ưu tiên hình thức thi tuyển.

- Tiếp tục đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tổ chức các lớp dạy nghiệp vụ chủ nhiệm dự án trong đó chú trọng đến kỹ năng thuyết trình. Cử hoặc tự tổ chức cho cán bộ tham gia các lớp nâng cao kiến thức về đầu tư, xây dựng, đấu thầu và ngoại ngữ.

- Tiếp tục cử cán bộ luân phiên xuống theo dõi, học tập tại các chủ đầu tư hoặc Ban giám sát tác giả đối với các công trình thi công, lắp đặt.

- Tái cơ cấu, bố trí sắp xếp lại cán bộ, nhân viên trong cơ quan theo hướng tinh giản, gọn nhẹ để từ đó nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

##### 4.2. Công tác tìm kiếm việc làm

- Tăng cường tìm kiếm việc làm, tổ chức nghiệm thu ngay đối với các công trình đã hoàn thành để thu hồi vốn một cách nhanh nhất.

- Động viên khuyến khích cán bộ, nhân viên tự tìm kiếm việc làm.

- Tăng cường quan hệ với Bộ Khoa học công nghệ, các cục, vụ của Bộ Công thương để tìm kiếm các công việc ngoài Tập đoàn.

- Tiếp tục đề xuất các đề tài nghiên cứu chuyên sâu đăng ký với Tập đoàn, Bộ Công thương, Bộ khoa học công nghệ, trên cơ sở công việc tư vấn thiết kế hàng ngày để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tăng thu nhập cho người lao động từ các quỹ khoa học công nghệ của Tập đoàn và vốn Ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng phương án đề xuất với Tập đoàn để Công ty trực tiếp tham gia cùng đối tác thực hiện lập thiết kế, thi công chống lò bằng vì neo tại các đơn vị trong ngành.

- Nghiên cứu đề xuất với Tập đoàn về việc hiện đại hóa và tự động hóa trong các khâu sản xuất của Tập đoàn than, nhằm giảm sức lao động, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

- Khẩn trương hoàn thiện các điều kiện cần thiết để tiến tới có khả năng thực hiện tư vấn, thiết kế các mỏ than cho các nước trong khu vực Asean và làm thầu phụ cho các đối tác của Australia.

- Từng bước định hướng phát triển tìm kiếm việc làm ra các đơn vị ngoài Tập đoàn Than để ổn định và phát triển Công ty một cách bền vững.

#### 4.3. Công tác quản lý điều hành

- Rà soát và hoàn thiện cơ chế quản lý khoa học, linh hoạt cho từng lĩnh vực hoạt động nhằm phát huy cao độ năng lực của các cá nhân và tập thể nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh Quy định giao khoán, phân phối tiền lương và thu nhập để hoàn thiện và phù hợp hơn với thực tế thực hiện nhằm động viên khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình trong công việc để giữ chân người lao động.

- Tiếp tục đầu tư, áp dụng công nghệ tin học trong công tác tư vấn thiết kế, đầu tư các phần mềm chuyên ngành, tự xây dựng các phần mềm quản trị để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu, xây dựng các quy chế, quy định nhằm quản trị chi phí một cách tốt nhất.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hợp nhất)

ĐVT: Tr.đồng

| STT      | Chỉ tiêu                               | Kế hoạch (Đ/c) | Thực hiện năm trước | Thực hiện năm nay | % thực hiện so với năm trước | % thực hiện so với Kế hoạch |
|----------|--|----------------|---------------------|-------------------|------------------------------|-----------------------------|
| <b>I</b> | <b>Tổng doanh thu</b>                  | <b>195.349</b> | <b>402.583</b>      | <b>202.014</b>    | <b>50,17</b>                 | <b>103,41</b>               |
| -        | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 195.257        | 401.718             | 201.932           | 50,27                        | 103,42                      |
| -        | Doanh thu hoạt động tài chính          | 92             | 824                 | 68                | 8,25                         | 73,9                        |



| STT        | Chỉ tiêu                                       | Kế hoạch (Đ/c) | Thực hiện năm trước | Thực hiện năm nay | % thực hiện so với năm trước | % thực hiện so với Kế hoạch |
|------------|--|----------------|---------------------|-------------------|------------------------------|-----------------------------|
| -          | Thu nhập khác                                  |                | 41                  | 14                | 34,15                        |                             |
| <b>II</b>  | <b>Tổng chi phí</b>                            | <b>191.607</b> | <b>388.823</b>      | <b>193.691</b>    | <b>49,81</b>                 | <b>101,08</b>               |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận</b>                               |                |                     |                   |                              |                             |
| 1          | Lợi nhuận trước thuế                           | 1.303          | 2.601               | 1.423             | 54,7                         | 109,2                       |
| 2          | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       |                | 1.903               | 1.346             | 70,73                        |                             |
| -          | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát |                | 150                 | 159               | 106                          |                             |
| -          | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ      |                | 1.753               | 1.187             | 67,71                        |                             |
| <b>IV</b>  | <b>Các chỉ tiêu khác</b>                       |                |                     |                   |                              |                             |
| 1          | Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách           |                | 37.021              | 15.795            | 42,66                        |                             |
| 2          | Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)        |                | 8,42                | 4,86              | 57,72                        |                             |
| 3          | Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu                | 6,13           | 6,8                 | 6,56              | 96,47                        | 107,01                      |
| 4          | Tổng quỹ lương                                 | 37.052         | 35.568              | 36.475            | 102,55                       | 98,44                       |
| 5          | Số người lao động bình quân (người)            | 361            | 397                 | 344               | 86,64                        | 95,29                       |
| 6          | Tiền lương bình quân(trđ/ng/tháng)             | 8,55           | 7,46                | 8,83              | 118,36                       | 103,27                      |

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

| STT | Họ và tên         | Chức vụ       | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%) | Ghi chú   |
|-----|-------------------|---------------|------------|--------------------------|---|
| 1   | Nguyễn Trọng Hùng | Chủ tịch HĐQT | 12.240     | 51                       | Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam |

| STT | Họ và tên         | Chức vụ               | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%) | Ghi chú                |
|-----|-------------------|-----------------------|------------|--------------------------|------------------------|
| 2   | Đỗ Hồng Nguyên    | Giám đốc              | 9.057      | 0,37                     | Đến hết 31/5/2018      |
| 3   | Lê Văn Duẩn       | Giám đốc              | 9.060      | 0,37                     | Bổ nhiệm từ 01/6/2018  |
| 4   | Nguyễn Việt Cường | Phó giám đốc          | 2.811      | 0,12                     |                        |
| 5   | Lê Việt phương    | Phó giám đốc          | 1.938      | 0,08                     |                        |
| 6   | Đào Ngọc Hiệp     | Phó giám đốc          | 0          | 0                        | Bổ nhiệm từ 01/09/2018 |
| 6   | Trần Thị Minh Thu | Trưởng ban kiểm soát  | 570        | 0,02                     |                        |
| 7   | Phạm Thị Việt Nga | Ủy viên Ban kiểm soát | 8.943      | 0,37                     |                        |
| 8   | Nguyễn Công Tân   | Ủy viên ban kiểm soát | 12.891     | 0,53                     |                        |
| 9   | Phùng Đức Trưởng  | Kế toán trưởng        | 0          | 0                        | Bổ nhiệm từ 01/09/2018 |

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

+ Dự án đầu tư phần mềm chuyên ngành phục vụ sản xuất năm 2018: 330 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu   | Năm trước | Năm nay | % tăng, giảm |
|--|-----------|---------|--------------|
| 1. Tổng giá trị tài sản                          | 256.781   | 237.425 | 92,46        |
| 2. Doanh thu thuần                               | 401.718   | 201.932 | 50,27        |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh    | 2.627     | 1.999   | 76,09        |
| 4. Lợi nhuận khác                                | -26       | -576    | 2.215,38     |
| 5. Lợi nhuận trước thuế                          | 2.601     | 1.423   | 54,7         |
| 6. Lợi nhuận sau thuế                            | 1.902     | 1.346   | 70,76        |
| 7. Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức/ vốn điều lệ (%) | 6         | 0       | 0            |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu                                  | Năm trước | Năm nay | Ghi chú |
|---|-----------|---------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> |           |         |         |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn               | 1,17      | 1,18    |         |
| + Hệ số thanh toán nhanh                  | 0,89      | 0,91    |         |

| Chỉ tiêu                                   | Năm trước | Năm nay | Ghi chú |
|--|-----------|---------|---------|
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>           |           |         |         |
| + Hệ số nợ/Tổng tài sản                    | 0,82      | 0,81    |         |
| + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                  | 6,8       | 6,6     |         |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>   |           |         |         |
| + Vòng quay hàng tồn kho                   | 6,15      | 3,42    |         |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản               | 1,56      | 0,85    |         |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>    |           |         |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,0047    | 0,0067  |         |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  | 0,06      | 0,05    |         |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản    | 0,007     | 0,006   |         |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

| STT | Diễn giải          | Số lượng cổ phần | Giá trị (VND)         | Tỷ lệ (%)  |
|-----|--------------------|------------------|-----------------------|------------|
| 1.  | Cổ phiếu ưu đãi    | 0                | 0                     | 0          |
| 2.  | Cổ phiếu phổ thông | 2.400.000        | 24.000.000.000        | 100        |
| 3.  | Cổ phiếu quỹ       | 0                | 0                     | 0          |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>2.400.000</b> | <b>24.000.000.000</b> | <b>100</b> |

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác

| STT | Nội dung           | Số lượng cổ phần | Giá trị        | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------------|------------------|----------------|-----------|
| *   | Cơ cấu cổ đông     | 2.400.000        | 24.000.000.000 | 100       |
| 1   | Cổ đông tổ chức    | 1.224.000        | 12.240.000.000 | 51        |
| 2   | Cổ đông cá nhân    | 1.176.000        | 11.760.000.000 | 49        |
| *   | Phân theo lãnh thổ |                  |                |           |
| 1   | Cổ đông trong nước | 2.392.000        | 23.920.000.000 | 99,67     |
| 2   | Cổ đông nước ngoài | 8.000            | 80.000.000     | 0,33      |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không phát sinh

e) Các chứng khoán khác: Không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty là đơn vị hoạt động chính trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, nghiên cứu khoa học và thương mại do vậy việc sử dụng các nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng,

sử dụng nguồn nước là quá nhỏ so với nền kinh tế nên coi như không ảnh hưởng đến môi trường.

Công ty tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

+ Kết quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty

| STT | Chỉ tiêu                       | ĐVT   | Thực hiện năm 2017 | Kế hoạch năm 2018 | Thực hiện năm 2018 | Tỷ lệ % so với |          |
|-----|--------------------------------|-------|--------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------|
|     |                                |       |                    |                   |                    | Cùng kỳ        | Kế hoạch |
| 1   | Tổng doanh thu                 | Tr.đ  | 402.583            | 195.349           | 202.014            | 50,2           | 103,4    |
| 2   | Nộp ngân sách                  | Tr.đ  | 36.830             |                   | 16.486             | 44,8           |          |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế           | Tr.đ  | 2.601              | 1.303             | 1.423              | 54,7           | 109,2    |
| 4   | Lao động bình quân             | Người | 398                | 361               | 344                | 86,4           | 95,3     |
| 5   | Thu nhập bình quân/người/tháng | Tr.đ  | 7,46               | 8,55              | 8,83               | 119,3          | 103,3    |

+ Kết quả sản xuất kinh doanh tại Công ty mẹ

| STT | Chỉ tiêu                       | ĐVT   | Thực hiện năm 2017 | Kế hoạch năm 2018 | Thực hiện năm 2018 | Tỷ lệ % so với |          |
|-----|--------------------------------|-------|--------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------|
|     |                                |       |                    |                   |                    | Cùng kỳ        | Kế hoạch |
| 1   | Tổng doanh thu                 | Tr.đ  | 392.814            | 186.349           | 192.860            | 49,1           | 103,5    |
| 2   | Nộp ngân sách                  | Tr.đ  | 35.920             |                   | 15.451             | 43             |          |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế           | Tr.đ  | 2.346              | 1.052             | 1.156              | 49,3           | 109,9    |
| 4   | Cổ tức                         | %     | 6                  | 4-:-8             | 0                  | 0              | 0        |
| 5   | Lao động bình quân             | Người | 372                | 338               | 323                | 86,9           | 95,6     |
| 6   | Thu nhập bình quân/người/tháng | Tr.đ  | 7,34               | 7,93              | 8,75               | 119,2          | 110,3    |

### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

#### 1. Thuận lợi:

- Công ty tiếp tục nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ và tạo điều kiện của các cấp Lãnh đạo và ban chuyên môn Tập đoàn;

- Công ty cũng đã nhận được sự chia sẻ, phối hợp của các đơn vị trong Tập đoàn TKV và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đông Bắc và các đơn vị bạn hàng;

- Công ty thực hiện công việc chủ yếu tại các đơn vị trong Tập đoàn than, năm 2018 Tập đoàn cũng như các đơn vị trực thuộc Tập đoàn than gặp nhiều thuận lợi nên công ty cũng gặp thuận lợi trong thanh toán.

- Năm 2018 Công ty gặp nhiều khó khăn vướng mắc nên đã được Tập đoàn than ban hành nhiều văn bản chỉ đạo để giải quyết và tháo gỡ khó khăn cho công ty trong việc giải quyết các công việc còn tồn đọng giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc Tập đoàn than.

- Tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty đoàn kết, chia sẻ trước những khó khăn của Công ty, quyết tâm hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

## 2. Khó khăn

- Việc cấp phép và thi công thăm dò các mỏ mới, phân tài nguyên xuống sâu chậm dẫn đến không tạo ra các dự án đầu tư phát triển các mỏ mới.

- Việc triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các dự án cần triển khai trong giai đoạn tới theo Quyết định 403 của Thủ tướng Chính phủ bị chậm cũng dẫn đến thiếu việc làm cho Công ty;

- Công tác tư vấn thiết kế một số công trình được triển khai trong điều kiện tài liệu địa chất còn thiếu hoặc độ tin cậy thấp, cần phải tiến hành khoan thăm dò địa chất bổ sung nên sản phẩm tư vấn phải chỉnh sửa và kéo dài thời gian thuwjcc hiện;

- Nhiệm vụ khoan thăm dò phục vụ khai thác được phê duyệt muộn nên việc triển khai thực hiện cũng bị chậm trễ ảnh hưởng đến doanh thu và dòng tiền về của Công ty;

- Do doanh thu trong năm 2018 giảm nhiều so với năm 2017, trong khi đó chi phí cố định không đổi dẫn đến hiệu quả kinh doanh đạt thấp.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin. Chỉ đạo thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, giám sát Ban Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty có hiệu quả, cụ thể là:

+ Công tác tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện: Trong năm HĐQT đã tổ chức 22 cuộc họp và ban hành 11 Nghị quyết phục vụ công tác quản trị công ty. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT theo lĩnh vực phụ trách.

Các văn bản của HĐQT được ban hành kịp thời dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng pháp luật, quyết định đúng đắn chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT thường xuyên giám sát, kiểm tra Ban giám đốc điều hành về thực hiện các văn bản của HĐQT, do vậy mọi Nghị quyết của HĐQT đều được triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt hiệu quả.

HĐQT thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, việc thực hiện Điều lệ Công ty.

+ Công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh:

HĐQT đã chỉ đạo Ban giám đốc điều hành công ty thực hiện theo Kế hoạch và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Hằng tháng, hằng quý đều xem xét đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đưa ra những quyết định chỉ đạo kịp thời, phù hợp.

Ngoài ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, mọi vấn đề phát sinh đều được HĐQT chỉ đạo xử lý kịp thời.

### 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

| STT | Họ và tên         | Chức vụ               | Số cổ phần<br>nắm giữ | Tỷ lệ<br>(%) |
|-----|-------------------|-----------------------|-----------------------|--------------|
| 1   | Trần Thị Minh Thu | Trưởng ban kiểm soát  | 570                   | 0,024        |
| 2   | Nguyễn Công Tân   | Ủy viên ban kiểm soát | 12.891                | 0,537        |
| 3   | Phạm Thị Việt Nga | Ủy viên ban kiểm soát | 8.943                 | 0,373        |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động của Ban kiểm soát đã tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát, kiểm tra kiểm soát trong Công ty đúng kế hoạch, quy định của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam. Trong năm 2018, Ban kiểm soát tổ chức 5 cuộc họp với các nội dung:

- + Kiểm tra kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm;
- + Xây dựng kế hoạch để kiểm soát cảnh báo rủi ro;
- + Phân công nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát phù hợp với thực tế;
- + Đề xuất chọn đơn vị kiểm toán;
- + Đồng thời thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ được giao nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch công tác năm và đánh giá kết quả định kỳ hàng quý... Các thành viên Ban kiểm soát đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Với tinh thần trách nhiệm xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ do các cổ đông giao cho, Ban kiểm soát luôn phối hợp trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với HĐQT, Ban Giám đốc công ty trong việc xây dựng các Quy chế hoạt động, Nghị quyết, Quyết định.

Năm 2018, Ban kiểm soát tập trung kiểm tra, giám sát các vấn đề sau:

- Thực hiện giám sát việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, tình hình thực hiện các quy chế của TKV và Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2018
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
- Giám sát việc huy động vốn, sử dụng vốn, cân đối vốn và quản lý dòng tiền; thực hiện các định mức, các biện pháp tiết giảm chi phí và chú trọng công tác quản trị rủi ro.
- Kiểm tra tính tuân thủ và tình hình quản lý tài chính.
- Trong Ban Kiểm soát, các thành viên thường xuyên trao đổi để giải quyết công việc được kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao nhất.
- Định kỳ, ban kiểm soát tiến hành kiểm soát chặt chẽ các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sau đợt kiểm soát đều có biên bản làm việc và nhận xét, kiến nghị trong công tác quản trị của Công ty để góp phần đảm bảo sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả, tuân thủ theo quy định của pháp luật và TKV.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

| STT | Nội dung                                      | Kế hoạch             | Thực hiện            |
|-----|---|----------------------|----------------------|
| 1   | Tiền lương Trưởng Ban Kiểm soát, Ban giám đốc | 1.668.000.000        | 1.119.042.000        |
| 2   | Thù lao BKS, HĐQT, thư ký                     | 602.400.000          | 512.132.699          |
|     | <b>Tổng cộng</b>                              | <b>2.270.400.000</b> | <b>1.631.174.699</b> |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không phát sinh.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng các Quy chế quy định trong nội bộ công ty cũng như các Quy định của Tập đoàn than và pháp luật của nhà nước.

## VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được kiểm toán (theo phụ lục đính kèm)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO  
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Lê Văn Duẩn

